

KIỂM TRA HỌC KÌ II

1. Ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức Mức độ nhận thức	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng		% Tổng điểm
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	
1	Phân số	1.1. Phân số, hỗn số	1* (2,0 đ)	10							0-1	0-10	0-20
		1.2. Các phép tính với phân số	1 (0,5 đ)	5			1*** (1,0 đ)	12	1***** (1,0 đ)	12	2-3	17-29	15-25
		1.3. Hai bài toán về phân số					1**** (1,0 đ)	13			0-1	0-13	0-10
2	Số thập phân	2.1. Phân số thập phân và số thập phân	1* (2,0 đ)	10							0-1	0-10	0-20
		2.2. Tính toán với số thập phân, làm tròn số	1 (0,5 đ)	5			1*** (1,0 đ)	12	1***** (1,0 đ)	12	2-3	17-29	15-25
		2.3. Một số bài toán về tỉ số, tỉ số phần trăm					1**** (1,0 đ)	13			0-1	0-13	0-10

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức Mức độ nhận thức	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Tổng		% Tổng điểm
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	
3	Những hình học cơ bản	3.1. Điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng			1 (1,0 đ)	8					1	8	10
		3.2. Góc, điểm trong của góc, số đo góc	1 (1,0 đ)	7							1	7	10
4	Dữ liệu và xác suất thực nghiệm	4.1. Dữ liệu, bảng thống kê, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép			1** (2,0 đ)	18					0-1	0-18	0-20
		4.2. Kết quả có thể, sự kiện, xác suất thực nghiệm			1** (2,0 đ)	18					0-1	0-18	0-20
Tổng			4	27	2	26	2	25	1	12	9	90	100
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10				100

Lưu ý: Trong nội dung kiến thức

- + (1*): Được chọn một trong hai đơn vị kiến thức trong bảng ma trận 1.1 hoặc 2.1 (mức độ nhận biết).
- + (1**): Được chọn một trong hai đơn vị kiến thức trong bảng ma trận 4.1 hoặc 4.2 (mức độ thông hiểu).
- + (1***): Được chọn một trong hai đơn vị kiến thức trong bảng ma trận 1.2 hoặc 2.2 (mức độ vận dụng).
- + (1****): Được chọn một trong hai đơn vị kiến thức trong bảng ma trận 1.3 hoặc 2.3 (mức độ vận dụng).
- + (1*****): Được chọn một trong hai đơn vị kiến thức trong bảng ma trận 1.2 hoặc 2.2 (mức độ vận dụng cao).

2. Bảng đặc tả kĩ thuật ra đề kiểm tra

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Phân số	1.1. Phân số, hỗn số	Nhận biết – Nhận biết được cách viết nào là phân số. – Đổi được hỗn số ra phân số và ngược lại. – Nhận biết hai phân số bằng nhau. (Câu 1*.a. b. c)	1*			
		1.2. Các phép tính với phân số	Nhận biết – Thực hiện được phép tính đơn giản cộng, trừ, nhân, chia phân số. (Câu 2.a1) Vận dụng – Vận dụng tính chất của phép cộng, phép nhân để tính toán hợp lí. – Tìm x thoả mãn điều kiện cho trước. (Câu 2.b***) Vận dụng cao Vận dụng các kiến thức để giải bài toán tổng hợp. (Câu 5*****)	1 (0,5 đ)		1*** (1,0 đ)	1***** (1,0 đ)
		1.3. Hai bài toán về phân số	Vận dụng Vận dụng kiến thức hai bài toán phân số để giải bài toán có nội dung thực tiễn. (Câu 2.c****)			1**** (1,0 đ)	
2	Số thập phân	2.1. Phân số thập phân và số thập phân	Nhận biết – Chỉ ra được phần nguyên, phần thập phân của các số thập phân. – Chỉ ra được các số thập phân đối nhau. – Nhận biết được số thập phân dương, số thập phân âm. (Câu 1*.a. b. c)	1* (2,0 đ)			

		2.2. Tính toán với số thập phân, làm tròn số	<p>Nhận biết Thực hiện được phép tính đơn giản cộng, trừ, nhân, chia số thập phân. (Câu 2.a2)</p> <p>Vận dụng – Vận dụng tính chất của phép cộng, phép nhân để tính toán hợp lí. – Tìm x thoả mãn điều kiện cho trước. (Câu 2.b****)</p> <p>Vận dụng cao Vận dụng các kiến thức để giải bài toán tổng hợp. (Câu 5*****)</p>	1 (0,5 đ)		1*** (1,0 đ)	1***** (1,0 đ)
		2.3. Một số bài toán về tỉ số, tỉ số phần trăm	<p>Vận dụng Vận dụng kiến thức về tỉ số, tỉ số phần trăm để giải bài toán có nội dung thực tiễn. (Câu 2.c****)</p>			1**** (1,0 đ)	
3	Những hình học cơ bản	3.1. Điểm, đường thẳng, đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng	<p>Thông hiểu – Tính được độ dài các đoạn thẳng. – So sánh hai đoạn thẳng. (Câu 3.b)</p>		1 (1,0 đ)		
		3.2. Góc, điểm trong của góc, số đo góc	<p>Nhận biết – Kể tên được các góc trong hình vẽ. – Nhận biết được số đo các góc trên hình vẽ đã cho. (Câu 3.a)</p>	1 (1,0 đ)			
4	Dữ liệu và xác suất thực nghiệm	4.1. Dữ liệu, bảng thống kê, biểu đồ cột, biểu đồ cột kép	<p>Thông hiểu – Lập bảng thống kê. – Vẽ biểu đồ cột (biểu đồ cột kép) biểu diễn các dữ liệu. – Phân tích dữ liệu từ biểu đồ (biểu đồ cột kép). (Câu 4**)</p>		1** (2,0 đ)		
		4.2. Kết quả có thể, sự kiện, xác suất thực nghiệm	<p>Thông hiểu – Chỉ ra được các kết quả có thể, sự kiện trong các trò chơi, thí nghiệm. – Tìm được xác suất thực nghiệm của sự kiện. (Câu 4**)</p>		1** (2,0 đ)		
Tổng				4 (4,0 đ)	3 (3,0 đ)	2 (2,0 đ)	1 (1,0 đ)